

Số: /2016/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2016

Dự thảo 22.2.2016

NGHỊ ĐỊNH

Quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh chứng khoán

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;
Căn cứ Luật Đầu tư ngày 16 tháng 11 năm 2014;
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,
Chính phủ ban hành Nghị định quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh chứng khoán.*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh chứng khoán của tổ chức kinh doanh chứng khoán, chào bán, niêm yết cổ phiếu không có quyền biểu quyết của tổ chức phát hành và tổ chức, cá nhân tham gia trên thị trường chứng khoán.

2. Nghị định này áp dụng đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán, công ty đại chúng, thành viên lưu ký, thành viên giao dịch, Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và tổ chức, cá nhân có hoạt động đầu tư, kinh doanh trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. Công ty chứng khoán là doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo pháp luật chứng khoán để thực hiện một, một số hoặc toàn bộ các nghiệp vụ: môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và các dịch vụ tài chính theo quy định của pháp luật chứng khoán.

2. Công ty quản lý quỹ là doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo pháp luật chứng khoán để cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

3. Tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài là công ty chứng khoán thành lập ở nước ngoài, công ty quản lý quỹ thành lập ở nước ngoài.

4. Chi nhánh tại Việt Nam của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài là đơn vị phụ thuộc của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài, không có tư cách pháp nhân và được cung cấp dịch vụ kinh doanh chứng khoán tại Việt Nam.

5. Giao dịch ký quỹ là giao dịch mua chứng khoán có sử dụng tiền vay của công ty chứng khoán, trong đó chứng khoán vừa mua được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay nêu trên.

6. Giao dịch trong ngày là giao dịch mua và bán cùng một loại chứng khoán với cùng một khối lượng giao dịch, thực hiện trên cùng một tài khoản và trong cùng một ngày giao dịch.

7. Thành viên lưu ký là công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán và được Trung tâm Lưu ký chứng khoán chấp thuận trở thành thành viên lưu ký.

8. Ngân hàng thanh toán là ngân hàng thương mại được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước lựa chọn phục vụ cho hoạt động thanh toán tiền các giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán.

9. Vốn khả dụng là vốn chủ sở hữu có thể chuyển đổi thành tiền trong vòng chín mươi (90) ngày.

10. Tỷ lệ vốn khả dụng là tỷ lệ phần trăm giữa giá trị vốn khả dụng và tổng giá trị rủi ro theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 3. Quy định chung về điều kiện đầu tư kinh doanh chứng khoán

1. Trong suốt quá trình hoạt động, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ phải bảo đảm có vốn chủ sở hữu không thấp hơn vốn pháp định, tỷ lệ vốn khả dụng phải đạt từ 180% trở lên và có đủ nhân sự, đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 4; khoản 1, 2, 3 Điều 10 Nghị định này. Trường hợp do kinh doanh thua lỗ dẫn tới vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn pháp định, trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ khi phát sinh, tổ chức kinh doanh chứng khoán phải bổ sung vốn điều lệ để bảo đảm vốn chủ sở hữu không thấp hơn vốn pháp định.

2. Việc tăng giảm vốn điều lệ, bổ sung nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán, thay đổi tên công ty, địa điểm trụ sở chính, chi nhánh, người đại diện theo pháp luật hoặc chuyển đổi loại hình công ty, hợp nhất, sáp nhập công ty của tổ chức kinh doanh chứng khoán phải được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu công ty thông qua.

3. Khi đầu tư, giao dịch trên thị trường chứng khoán, công ty niêm yết, công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán, tổ chức kinh doanh chứng khoán, quỹ đại chúng có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện thủ tục đầu tư, giao dịch theo quy định của pháp luật chứng khoán đối với nhà đầu tư trong nước.

4. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài là tổng tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp có quyền biểu quyết của tất cả các nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài quy định tại khoản 1 Điều 23 Luật Đầu tư hoặc theo quy định pháp luật liên quan, ngoại trừ cổ phần, phần vốn góp thuộc sở hữu của công ty niêm yết, công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán, tổ chức kinh doanh chứng khoán, quỹ đại chúng.

5. Tổ chức nước ngoài được sở hữu từ 51% trở lên vốn điều lệ của tổ chức kinh doanh chứng khoán phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Quy định tại khoản 6, 10 Điều 71 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán (sau đây gọi tắt là Nghị định 58/2012/NĐ-CP) và khoản 21, 24 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Nghị định 60/2015/NĐ-CP);

b) Có xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài nơi tổ chức nước ngoài có trụ sở chính về việc tổ chức nước ngoài không đang trong tình trạng kiểm soát, kiểm soát đặc biệt hoặc đang trong tình trạng cảnh báo khác;

c) Được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu của tổ chức nước ngoài thông qua việc mua để sở hữu trên 51% vốn điều lệ của tổ chức kinh doanh chứng khoán tại Việt Nam;

d) Được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu của tổ chức kinh doanh chứng khoán tại Việt Nam thông qua việc cho phép tổ chức nước ngoài mua để sở hữu trên 51% vốn điều lệ, trừ trường hợp tổ chức nước ngoài thực hiện chào mua công khai theo quy định pháp luật;

đ) Chỉ được sử dụng vốn chủ sở hữu và các nguồn vốn hợp lệ khác để mua và không thuộc các trường hợp hạn chế sở hữu theo quy định tại điểm c khoản 7 và điểm c khoản 8 Điều 71 Nghị định 58/2012/NĐ-CP;

e) Phải có báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán và các báo cáo tài chính quý gần nhất, nếu tổ chức nước ngoài là công ty mẹ thì phải bổ sung báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất được kiểm toán.

Chương II

ĐIỀU KIỆN ĐẦU TƯ KINH DOANH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

Điều 4. Điều kiện cấp Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán.

1. Điều kiện về trụ sở làm việc, cơ sở vật chất:

a) Quyền sử dụng trụ sở công ty có thời hạn tối thiểu một (01) năm tính từ ngày hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán đầy đủ và hợp lệ;

b) Diện tích sàn giao dịch chứng khoán tại trụ sở chính của công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán tối thiểu là 100 m²;

c) Có đủ cơ sở vật chất, kỹ thuật, trang thiết bị văn phòng, hệ thống máy tính, phần mềm phục vụ cho hoạt động phân tích đầu tư, phân tích và quản lý rủi ro, lưu trữ bảo quản chứng từ, tài liệu và các thiết bị bảo đảm an toàn, an ninh cho trụ sở làm việc của công ty.

2. Điều kiện về vốn:

Vốn điều lệ của công ty phải là vốn thực góp và tối thiểu bằng mức vốn pháp định theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 71 Nghị định 58/2012/NĐ-CP.

3. Điều kiện về nhân sự:

Có tối thiểu ba (03) người hành nghề chứng khoán cho mỗi nghiệp vụ kinh doanh đề nghị cấp phép hoạt động. Giám đốc (Tổng Giám đốc) công ty chứng khoán phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a) Không phải là người đã từng hoặc đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị phạt tù hoặc bị tòa án tước quyền hành nghề theo quy định của pháp luật;

b) Có kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, chứng khoán ít nhất ba (03) năm và có kinh nghiệm quản lý điều hành tối thiểu ba (03) năm;

c) Có Chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính hoặc Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ;

d) Không bị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xử phạt theo pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán trong vòng hai (02) năm gần nhất.

4. Điều kiện về cổ đông, thành viên góp vốn:

Cơ cấu cổ đông, thành viên góp vốn đáp ứng các quy định tại khoản 5, 6, 7, 10 Điều 71 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP, quy định đối với nhà đầu tư nước ngoài tại khoản 21 Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP và phải bảo đảm:

a) Cá nhân tham gia góp vốn phải chứng minh đủ khả năng góp vốn bằng tiền đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi có trong tài khoản ngân hàng. Giá trị tiền tối thiểu phải bằng số vốn dự kiến góp để thành lập và thời điểm xác nhận của ngân hàng tối đa không quá ba mươi (30) ngày tính đến ngày hồ sơ đầy đủ và hợp lệ;

b) Tổ chức tham gia góp vốn không có lỗi lũy kế trên báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất đã được soát xét.

c) Trường hợp công ty chứng khoán được tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, chủ sở hữu phải là ngân hàng thương mại hoặc doanh nghiệp bảo hiểm hoặc tổ chức nước ngoài không đang trong tình trạng kiểm soát, kiểm soát đặc biệt, tạm ngừng, đình chỉ hoạt động hoặc các tình trạng cảnh báo khác theo quy định pháp luật liên quan.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán.

1. Công ty chứng khoán được bổ sung nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán khi:

a) Đáp ứng quy định tại Điều 4 Nghị định này đối với các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán đã có và nghiệp vụ dự kiến bổ sung;

b) Không bị đặt vào tình trạng kiểm soát, kiểm soát đặc biệt, đình chỉ hoạt động trong vòng ba (03) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ.

2. Công ty chứng khoán được chuyển đổi loại hình công ty khi:

a) Công ty hình thành sau chuyển đổi phải đáp ứng quy định tại khoản 1, 2, 3 và điểm c khoản 4 Điều 4 Nghị định này;

b) Trường hợp việc chuyển đổi có kết hợp với chào bán cổ phần riêng lẻ, chào bán cổ phần ra công chúng hoặc có các giao dịch phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận thì phải bảo đảm các điều kiện theo quy định pháp luật liên quan.

3. Công ty chứng khoán được hợp nhất hoặc sáp nhập với công ty chứng khoán khác khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Công ty hình thành sau hợp nhất, sáp nhập đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1, 2, 3 và điểm a, b khoản 4 Điều 4 Nghị định này;

b) Tuân thủ các điều kiện theo quy định pháp luật về cạnh tranh và các pháp luật khác có liên quan đến hợp nhất, sáp nhập.

Điều 6. Đăng ký cung cấp các dịch vụ chứng khoán khác của tổ chức kinh doanh chứng khoán

1. Công ty chứng khoán có tối thiểu hai (02) nghiệp vụ môi giới và tự doanh chứng khoán được thực hiện giao dịch ký quỹ sau khi báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và đáp ứng các điều kiện sau:

a) Không đang trong các tình trạng cảnh báo, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt, đình chỉ hoạt động, tạm ngừng hoạt động, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản và là thành viên của Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán;

b) Không có lỗ lũy kế lớn hơn hoặc bằng 50% vốn điều lệ tính theo báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất đã được soát xét, đảm bảo không quá sáu (06) tháng tính đến thời điểm đăng ký cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ. Ý kiến kiểm toán tại báo cáo tài chính năm gần nhất phải là ý kiến chấp nhận toàn phần;

c) Tỷ lệ tổng nợ trên vốn chủ sở hữu không vượt quá ba (03) lần. Vốn chủ sở hữu không thấp hơn mức vốn pháp định, trích lập đầy đủ các khoản dự phòng và tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật chứng khoán có liên quan khác;

d) Tỷ lệ vốn khả dụng đạt tối thiểu 220% liên tục trong mười hai (12) tháng gần nhất tính đến thời điểm đăng ký cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ;

đ) Có hệ thống giao dịch phục vụ giao dịch ký quỹ, giám sát tài khoản giao dịch ký quỹ; quy trình nghiệp vụ và quy trình quản lý rủi ro cho nghiệp vụ giao dịch ký quỹ.

2. Công ty chứng khoán có đầy đủ các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán được cung cấp dịch vụ giao dịch trong ngày cho khách hàng sau khi báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Các điều kiện quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều này;
- b) Có cơ sở hạ tầng, hệ thống giao dịch phục vụ giao dịch trong ngày, hệ thống quản lý, giám sát hoạt động giao dịch trong ngày trên tài khoản của khách hàng; quy trình nghiệp vụ và quy trình quản lý rủi ro cho nghiệp vụ giao dịch trong ngày; có hệ thống để quản lý tiền gửi giao dịch chứng khoán tách biệt với từng nhà đầu tư tại ngân hàng.

3. Tổ chức kinh doanh chứng khoán được kinh doanh chứng khoán phái sinh khi:

a) Đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 42/2015/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh (sau đây gọi tắt là Nghị định số 42/2015/NĐ-CP);

b) Không có lỗ trong hai (02) năm gần nhất, tỷ lệ vốn khả dụng đạt tối thiểu 220% liên tục trong mười hai (12) tháng gần nhất đã được kiểm toán trước tháng nộp hồ sơ và đã trích lập đầy đủ các khoản dự phòng theo quy định;

c) Ý kiến của tổ chức kiểm toán được chấp thuận tại báo cáo tài chính năm của năm tài chính gần nhất và báo cáo tài chính bán niên gần nhất đã được soát xét phải là chấp nhận toàn bộ, không có ngoại trừ hoặc lưu ý.

4. Công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh khi:

a) Đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 42/2015/NĐ-CP và điểm c khoản 3 Điều này;

b) Đối với công ty chứng khoán: Không có lỗ trong hai (02) năm gần nhất, tỷ lệ vốn khả dụng đạt tối thiểu 260% liên tục trong mười hai (12) tháng gần nhất trước tháng nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh và đã trích lập đầy đủ các khoản dự phòng theo quy định;

c) Đối với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài: đáp ứng tỷ lệ an toàn vốn theo quy định pháp luật về tổ chức tín dụng trong vòng mười hai (12) tháng gần nhất trước tháng nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh.

Điều 7. Điều kiện thành lập chi nhánh công ty chứng khoán

1. Công ty chứng khoán thành lập chi nhánh phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Tại thời điểm thành lập chi nhánh, không bị đặt vào tình trạng kiểm soát, kiểm soát đặc biệt, đình chỉ hoạt động theo quy định hiện hành;

b) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán trong vòng sáu (06) tháng tính đến thời điểm Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được hồ sơ đề nghị thành lập chi nhánh;

c) Có trụ sở chi nhánh và trang thiết bị tại chi nhánh cần thiết phục vụ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ủy quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định này;

d) Giám đốc chi nhánh phải đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định tại điểm a và d khoản 3 Điều 4 Nghị định này, có chứng chỉ hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ kinh doanh mà chi nhánh được thực hiện, có kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, chứng khoán ít nhất hai (02) năm và có kinh nghiệm quản lý điều hành tối thiểu một (01) năm;

đ) Đảm bảo đủ người hành nghề chứng khoán đối với nghiệp vụ kinh doanh đang thực hiện tại trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch và có tối thiểu hai (02) người hành nghề chứng khoán phù hợp cho mỗi nghiệp vụ kinh doanh thực hiện tại chi nhánh dự kiến thành lập.

2. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tiến hành kiểm tra cơ sở vật chất trụ sở đối với chi nhánh công ty chứng khoán dự kiến thực hiện nghiệp vụ môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán trước khi ra quyết định chấp thuận thành lập chi nhánh.

Điều 8. Điều kiện, hồ sơ, thủ tục thành lập chi nhánh tại Việt Nam của công ty chứng khoán nước ngoài

1. Công ty chứng khoán nước ngoài được đăng ký thành lập chi nhánh tại Việt Nam khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đang hoạt động hợp pháp, không đang trong tình trạng hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, phá sản; được phép thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán dự kiến đăng ký cho chi nhánh tại Việt Nam; chịu sự giám sát thường xuyên, liên tục của cơ quan quản lý giám sát chuyên ngành ở nước nguyên xứ trong lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm và cơ quan này đã ký kết các thỏa thuận song phương hoặc đa phương với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về trao đổi thông tin, hợp tác quản lý, thanh tra, giám sát hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán; được cơ quan này chấp thuận bằng văn bản cho phép thành lập chi nhánh hoạt động tại Việt Nam (nếu có theo quy định của pháp luật nước ngoài);

b) Có vốn cấp cho chi nhánh tối thiểu bằng tổng vốn pháp định đối với các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán đăng ký hoạt động tại chi nhánh tại Việt Nam;

c) Thời hạn hoạt động của công ty mẹ trên giấy phép (nếu có) phải còn ít nhất là năm (05) năm;

d) Có quy trình quản lý rủi ro, quy trình tổ chức thực hiện các hoạt động nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán phù hợp với pháp luật Việt Nam;

đ) Không phải là cổ đông, thành viên góp vốn sở hữu trên 5% vốn điều lệ của một công ty chứng khoán tại Việt Nam;

e) Các điều kiện khác theo quy định tại Điều 77 Luật chứng khoán và quy định tại điểm c, d, đ khoản 1 Điều 7 Nghị định này.

2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động chi nhánh tại Việt Nam của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài bao gồm:

a) Giấy đề nghị cấp giấy phép thành lập và hoạt động chi nhánh tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam do đại diện có thẩm quyền của công ty mẹ ký;

b) Bản sao hợp lệ điều lệ của công ty mẹ hoặc biên bản thỏa thuận góp vốn hoặc biên bản thỏa thuận thành lập;

c) Bản sao hợp lệ Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài hoặc các văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước nguyên xứ cấp. Trường hợp các tài liệu này có quy định về thời hạn hoạt động của công ty mẹ thì thời hạn đó phải còn ít nhất là năm (05) năm;

d) Tài liệu xác nhận công ty mẹ đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này;

đ) Bản sao hợp lệ văn bản của cơ quan có thẩm quyền tại nước ngoài cho phép mở chi nhánh tại Việt Nam (nếu có theo quy định của pháp luật nước ngoài);

e) Báo cáo tài chính năm của năm tài chính gần nhất đã kiểm toán;

g) Biên bản họp (nếu có) và quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên, hoặc quyết định của chủ sở hữu hoặc đại diện có thẩm quyền theo quy định tại điều lệ của công ty mẹ về việc thành lập chi nhánh tại Việt Nam;

h) Quyết định bổ nhiệm giám đốc chi nhánh tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài do cấp có thẩm quyền của công ty mẹ ký. Danh sách nhân viên nghiệp vụ dự kiến, kèm theo hồ sơ cá nhân, lý lịch tư pháp được cấp không quá sáu (06) tháng tính tới thời điểm nộp hồ sơ thành lập chi nhánh và các tài liệu liên quan khác chứng minh giám đốc chi nhánh, nhân viên hành nghề tại chi nhánh đáp ứng quy định tại điểm d, đ khoản 1 Điều 7 Nghị định này;

i) Hợp đồng hoặc hợp đồng nguyên tắc thuê trụ sở chi nhánh kèm theo tài liệu xác nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc thẩm quyền cho thuê của bên cho thuê trụ sở.

3. Hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này được lập thành hai (02) bộ, một (01) bộ bằng tiếng Việt và một (01) bộ gốc bằng tiếng nước nguyên xứ, kèm theo tệp thông tin điện tử. Hồ sơ trên được gửi trực tiếp Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc gửi qua đường bưu điện.

Trong thời hạn sáu (06) tháng, kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có yêu cầu bằng văn bản, công ty mẹ phải bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định. Sau thời hạn trên, nếu công ty mẹ không sửa đổi, bổ sung tài liệu, hoàn thiện hồ sơ hoặc không thực hiện giải trình đầy đủ theo yêu cầu, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có quyền từ chối cấp giấy phép thành lập chi nhánh.

Trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản thông báo cho tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài hoàn tất các điều kiện cơ sở vật chất, nhân sự và phong tỏa vốn điều lệ của chi nhánh. Công ty mẹ được sử dụng vốn điều lệ của chi nhánh để đầu tư cơ sở vật chất. Phần vốn điều lệ còn lại phải được phong tỏa trên tài khoản của ngân hàng thương mại theo chỉ định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và phải giải tỏa chuyển vào tài khoản của chi nhánh ngay sau khi giấy phép thành lập và hoạt động chi nhánh có hiệu lực.

4. Trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày nhận được giấy xác nhận phong tỏa vốn, biên bản kiểm tra cơ sở vật chất và các tài liệu hợp lệ khác theo quy định tại khoản 2 Điều này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép thành lập và hoạt động chi nhánh tại Việt Nam cho tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài. Trường hợp từ chối, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do và không có nghĩa vụ hoàn trả hồ sơ.

5. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày giấy phép thành lập và hoạt động chi nhánh có hiệu lực, công ty mẹ phải làm thủ tục xin cấp con dấu với cơ quan công an, công bố giấy phép thành lập và hoạt động chi nhánh trên một tờ báo viết hoặc báo điện tử được phép phát hành tại Việt Nam trong ba (03) số liên tiếp.

6. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày khai trương hoạt động, chi nhánh tại Việt Nam phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo hoạt động của mình và các tài liệu xác thực tổ chức nước ngoài đã hoàn tất các thủ tục theo quy định tại khoản 5 Điều này.

7. Chi nhánh tại Việt Nam của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài phải đề nghị Ủy ban Chứng khoán nước ngoài điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động chi nhánh trong những trường hợp bổ sung, rút bớt nghiệp vụ kinh doanh của chi nhánh; thay đổi Giám đốc chi nhánh, tên của chi nhánh, địa điểm đặt trụ sở chính của công ty mẹ, nơi đăng ký kinh doanh của công ty mẹ, địa vị pháp lý hoặc các thay đổi liên quan tới việc chia tách, sáp nhập, hợp nhất của công ty mẹ. Chi nhánh tại Việt Nam của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài chỉ được cung cấp dịch vụ kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư nước ngoài ở tại Việt Nam và nhà đầu tư ở nước ngoài.

Điều 9. Điều kiện thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài của công ty chứng khoán

Công ty chứng khoán lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Có dự án lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài đã được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu chấp thuận bằng văn bản.

2. Đảm bảo các quy định về an toàn tài chính sau khi trừ đi vốn cấp cho chi nhánh, chi phí thành lập văn phòng đại diện ở nước ngoài.

3. Đảm bảo duy trì vốn chủ sở hữu, sau khi trừ đi vốn cấp cho chi nhánh không thấp hơn vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh đang được cấp phép.

4. Phạm vi hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài phải trong phạm vi kinh doanh theo Giấy phép thành lập và hoạt động của công ty chứng khoán thành lập tại Việt Nam.

Chương III

ĐIỀU KIỆN ĐẦU TƯ KINH DOANH CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Điều 10. Điều kiện cấp Giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ

1. Điều kiện về trụ sở và trang thiết bị:

Đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 4 Nghị định này.

2. Điều kiện về vốn:

Vốn điều lệ của công ty phải là vốn thực góp và tối thiểu bằng mức vốn pháp định theo quy định tại khoản 3 Điều 71 Nghị định 58/2012/NĐ-CP.

3. Điều kiện về nhân sự:

Có tối thiểu năm (05) nhân viên nghiệp vụ có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ. Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng giám đốc) phụ trách nghiệp vụ (nếu có) đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a) Các quy định tại điểm a, d khoản 3 Điều 4 Nghị định này;

b) Có ít nhất năm (05) năm kinh nghiệm tại các bộ phận nghiệp vụ của các tổ chức trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm hoặc tại bộ phận tài chính, kế toán, đầu tư trong các doanh nghiệp khác;

c) Có Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ hoặc có một trong các văn bằng, chứng chỉ quốc tế theo hướng dẫn của Bộ Tài chính;

d) Tính tới thời điểm được bổ nhiệm, là người hành nghề kinh doanh chứng khoán chưa từng có các hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều 80 Luật Chứng khoán;

đ) Không kiêm nhiệm là nhân viên của các tổ chức kinh tế khác và tuân thủ các quy định về trách nhiệm người hành nghề chứng khoán tại Điều 81 Luật Chứng khoán.

4. Điều kiện về cổ đông, thành viên góp vốn:

Cơ cấu cổ đông, điều kiện thành viên góp vốn đáp ứng các quy định tại khoản 5, 6, 8, 10 Điều 71 Nghị định 58/2012/NĐ-CP, và quy định đối với nhà đầu tư nước ngoài tại khoản 21 Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP và phải đảm bảo quy định tại điểm a, b, c khoản 4 Điều 4 Nghị định này.

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động của công ty quản lý quỹ

1. Điều kiện bổ sung nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán:

Công ty quản lý quỹ phải bảo đảm có tối thiểu một (01) nhân viên nghiệp vụ tại bộ phận tư vấn đầu tư để tư vấn cho khách hàng. Nhân viên nghiệp vụ tại bộ phận tư vấn đầu tư phải đáp ứng quy định tại điểm a, d, đ khoản 3 Điều 10 Nghị định này, có chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán hoặc đáp ứng quy định tại điểm c khoản 3 Điều 10 Nghị định này và không được kiêm nhiệm làm việc tại các bộ phận nghiệp vụ khác của công ty, bao gồm cả bộ phận quản lý quỹ, quản lý tài sản, bộ phận đầu tư.

2. Công ty quản lý quỹ được chuyển đổi loại hình công ty khi đáp ứng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 Nghị định này và công ty hình thành sau chuyển đổi phải đáp ứng điều kiện tại khoản 1, 2, 3 Điều 10 và điểm c khoản 4 Điều 4 Nghị định này.

3. Công ty quản lý quỹ được hợp nhất, sáp nhập với công ty quản lý quỹ khác khi:

a) Công ty hình thành sau hợp nhất, sáp nhập phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 10 Nghị định này;

b) Tuân thủ các điều kiện theo quy định pháp luật về cạnh tranh và các pháp luật khác có liên quan đến hợp nhất, sáp nhập.

Điều 12. Điều kiện lập văn phòng đại diện, chi nhánh ở nước ngoài, đầu tư ra nước ngoài

Công ty quản lý quỹ lập văn phòng đại diện, chi nhánh ở nước ngoài, đầu tư ra nước ngoài phải được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trên cơ sở đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định này.

Điều 13. Điều kiện thành lập chi nhánh công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ thành lập chi nhánh phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có trụ sở, trang thiết bị đáp ứng điều kiện tại khoản 1 Điều 10 và quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 7 Nghị định này;

b) Giám đốc chi nhánh đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định này và có tối thiểu hai (02) nhân viên nghiệp vụ có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ tại trụ sở của chi nhánh. Nhân sự tại chi nhánh không kiêm nhiệm làm việc tại trụ sở chính hoặc chi nhánh khác của công ty quản lý quỹ;

c) Không thuộc trường hợp phải tăng vốn khi vốn chủ sở hữu xuống thấp hơn vốn pháp định sau thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày có báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

2. Điều kiện tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài có nghiệp vụ quản lý quỹ được thành lập chi nhánh tại Việt Nam:

a) Đáp ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Nghị định này; hoặc là công ty quản lý quỹ nước ngoài đang quản lý các quỹ nước ngoài đầu tư tại Việt Nam

và có văn phòng đại diện hoạt động tại Việt Nam với thời gian hoạt động còn lại tối thiểu là 01 năm;

b) Không phải là cổ đông, thành viên góp vốn sở hữu trên 5% vốn điều lệ của một công ty quản lý quỹ tại Việt Nam;

c) Đáp ứng quy định tại điểm b, c, d khoản 1 Điều 8; khoản 1, 3 Điều 10 Nghị định này và các quy định khác có liên quan tại Điều 77 Luật Chứng khoán.

3. Trình tự, thủ tục, hồ sơ cấp Giấy phép thành lập và hoạt động chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài và hoạt động của chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam thực hiện theo quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 và 6 và 7 Điều 8 Nghị định này.

Chương IV

ĐIỀU KIỆN ĐẦU TƯ KINH DOANH CỦA CÔNG TY

ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

Điều 14. Điều kiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, phát hành thêm cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng

1. Điều kiện thành lập công ty đầu tư chứng khoán đại chúng thực hiện theo quy định tại Điều 79 Nghị định 58/2012/NĐ-CP. Điều kiện thành lập công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ thực hiện theo quy định tại Điều 87 Nghị định 58/2012/NĐ-CP.

2. Việc chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng để thành lập công ty đầu tư chứng khoán đại chúng phải được công ty quản lý quỹ đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và đáp ứng các điều kiện sau:

a) Công ty quản lý quỹ đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định này; không bị đặt trong tình trạng kiểm soát hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tạm ngừng hoạt động, đình chỉ hoạt động hoặc đang trong quá trình hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản;

b) Công ty quản lý quỹ không đang trong tình trạng bị xử phạt các hành vi vi phạm quy định trong lĩnh vực chứng khoán mà chưa thực hiện đầy đủ các chế tài và khắc phục hậu quả theo quyết định xử phạt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Việc phát hành thêm cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng phải được công ty quản lý quỹ đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và phải đáp ứng điều kiện sau:

a) Đáp ứng quy định tại khoản 1, 2 Điều 94 Luật Chứng khoán;

b) Có phương án phát hành và sử dụng vốn đã được Đại hội đồng cổ đông công ty đầu tư chứng khoán gần nhất thông qua; hồ sơ phát hành, thời điểm phát hành, mức giá phát hành cụ thể, tiêu chí xác định và đối tượng chào bán trong trường hợp không phân phối hết số quyền mua cổ phiếu dự kiến phát hành đã được Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán thông qua.

Điều 15. Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động của công ty đầu tư chứng khoán

1. Việc thay đổi tên, thay đổi công ty quản lý quỹ, thay đổi ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát của công ty đầu tư chứng khoán phải được đại hội đồng cổ đông, hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu công ty thông qua trước khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

2. Điều kiện hợp nhất, sáp nhập của công ty đầu tư chứng khoán:

a) Việc hợp nhất, sáp nhập; Phương án hợp nhất, sáp nhập; Hợp đồng hợp nhất, sáp nhập phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b) Trường hợp hoán đổi cổ phiếu kết hợp chi trả bằng tiền mặt, cổ đông của công ty bị hợp nhất hoặc bị sáp nhập được nhận thêm một khoản tiền không vượt quá 10% giá trị tài sản ròng trên một cổ phiếu tại ngày hợp nhất, sáp nhập;

c) Trường hợp hợp nhất, sáp nhập các công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ, công ty hình thành sau khi hợp nhất, sáp nhập phải đáp ứng quy định tại Điều 87 Nghị định 58/2012/NĐ-CP.

3. Điều kiện gia hạn thời gian hoạt động của công ty đầu tư chứng khoán:

a) Được Đại hội đồng cổ đông của công ty đầu tư chứng khoán thông qua;

b) Giá trị tài sản ròng của công ty đầu tư chứng khoán tại kỳ định giá gần nhất trước thời điểm nộp hồ sơ gia hạn không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng Việt Nam.

Chương V

ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN, NGÂN HÀNG THANH TOÁN, NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Điều 16. Điều kiện đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán của chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam

Chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Luật Chứng khoán.

Điều 17. Điều kiện đăng ký thành viên lưu ký của Trung tâm Lưu ký chứng khoán

1. Công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại đăng ký làm thành viên lưu ký, chi nhánh hoạt động lưu ký của Trung tâm Lưu ký chứng khoán phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp;

b) Có tối thiểu một (01) thành viên Ban Giám đốc được phân công phụ trách hoạt động đăng ký, lưu ký, thanh toán bù trừ;

c) Có nhân viên làm việc tại bộ phận nghiệp vụ lưu ký đã hoàn thành khóa học nghiệp vụ của Trung tâm Lưu ký chứng khoán;

d) Có quy trình nghiệp vụ đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và các quy chế hoạt động nghiệp vụ của Trung tâm Lưu ký chứng khoán;

đ) Hệ thống phần mềm nghiệp vụ đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán có khả năng kết nối với cổng giao tiếp điện tử hoặc cổng giao tiếp trực tuyến của Trung tâm Lưu ký chứng khoán và phần mềm quản lý hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và các quy chế hoạt động nghiệp vụ của Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

2. Thành viên lưu ký được đăng ký cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán cho chi nhánh của mình khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Các điều kiện quy định tại điểm b, c, d và đ khoản 1 Điều này;

b) Có Quyết định chấp thuận cho chi nhánh thực hiện hoạt động lưu ký chứng khoán do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Điều 18. Điều kiện đăng ký làm ngân hàng thanh toán

1. Ngân hàng được đăng ký làm ngân hàng thanh toán khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Là ngân hàng thương mại Việt Nam;

b) Có vốn điều lệ thực góp trên mười nghìn (10.000) tỷ đồng;

c) Có kết quả hoạt động kinh doanh có lãi trong vòng hai (02) năm gần nhất;

d) Đáp ứng tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định của pháp luật về ngân hàng;

đ) Có hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật đảm bảo thực hiện thanh toán giao dịch và kết nối được với Trung tâm Lưu ký chứng khoán;

e) Có cam kết với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc cho vay thanh toán giao dịch chứng khoán trong trường hợp thành viên lưu ký mất khả năng thanh toán;

g) Hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật có khả năng lưu giữ số liệu thông tin thanh toán giao dịch trong vòng ít nhất năm (05) năm và có thể cung cấp ngay cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc Trung tâm Lưu ký chứng khoán trong vòng bốn mươi tám (48) giờ khi có yêu cầu.

2. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể việc lựa chọn ngân hàng thanh toán định kỳ năm (05) năm một lần hoặc trong trường hợp phải lựa chọn ngân hàng thanh toán khác thay thế do ngân hàng thanh toán hiện thời không duy trì được các điều kiện của ngân hàng thanh toán hoặc không thực hiện nghĩa vụ của ngân hàng thanh toán hoặc không khôi phục được các điều kiện đối với ngân hàng thanh toán theo thời hạn do Bộ Tài chính quy định.

Điều 19. Điều kiện đăng ký làm ngân hàng giám sát

Ngân hàng được đăng ký làm ngân hàng giám sát khi đáp ứng các điều kiện sau:

1. Các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 98 Luật Chứng khoán.
2. Phải hoàn toàn độc lập và tách biệt với công ty quản lý quỹ mà ngân hàng cung cấp dịch vụ giám sát.
3. Phải có tối thiểu hai (02) nhân viên nghiệp vụ có đầy đủ các chứng chỉ sau:
 - a) Chứng chỉ về pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
 - b) Chứng chỉ cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc đã có chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán hoặc chứng chỉ quốc tế về phân tích đầu tư chứng khoán CFA từ bậc I trở lên, CIIA từ bậc I trở lên hoặc chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán cấp tại các quốc gia OECD;
 - c) Chứng chỉ kế toán hoặc kiểm toán hoặc chứng chỉ kế toán trưởng hoặc đã có các chứng chỉ quốc tế trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán ACCA , CPA , CA (Chartered Accountants), ACA (Associate Chartered Accountants).
4. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên ban điều hành và nhân viên của ngân hàng giám sát trực tiếp làm nhiệm vụ bảo quản tài sản quỹ và giám sát hoạt động quản lý tài sản của công ty quản lý quỹ không được là người có liên quan hoặc tham gia điều hành, quản trị công ty quản lý quỹ hoặc có quan hệ sở hữu, tham gia góp vốn, nắm giữ cổ phần, vay hoặc cho vay với công ty quản lý quỹ mà ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ giám sát và ngược lại.
5. Ngân hàng giám sát, thành viên hội đồng quản trị, thành viên ban điều hành và nhân viên nghiệp vụ không được là các đối tác mua, bán trong giao dịch mua, bán tài sản của quỹ, trừ trường hợp các giao dịch ngoại hối phù hợp với quy định của pháp luật liên quan, hoặc các giao dịch chứng khoán thực hiện thông qua hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch chứng khoán.
6. Để giám sát hoạt động công ty đầu tư chứng khoán bất động sản, ngân hàng phải có tối thiểu hai (02) nhân viên nghiệp vụ có các chứng chỉ sau:

Chứng chỉ định giá bất động sản theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản hoặc Thẻ thẩm định viên về giá hoặc đã thi đạt các môn trong kỳ thi thẩm định viên về giá: Cơ sở hình thành giá cả; Nguyên tắc, phương pháp thẩm định giá; Thẩm định giá bất động sản và Thẩm định giá trị doanh nghiệp.

Chương VI

CHÀO BÁN VÀ NIÊM YẾT CỔ PHIẾU KHÔNG CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT

Điều 20. Chào bán cổ phiếu không có quyền biểu quyết

1. Công ty đại chúng được chào bán cổ phiếu không có quyền biểu quyết, bao gồm cổ phiếu ưu đãi cổ tức, cổ phiếu ưu đãi hoàn lại khi đáp ứng các điều kiện sau:
 - a) Các điều kiện theo quy định có liên quan của pháp luật chứng khoán về chào bán cổ phiếu ra công chúng hoặc chào bán riêng lẻ;

b) Điều lệ công ty có quy định về việc cho phép chào bán cổ phiếu không có quyền biểu quyết và các quy định về quyền, nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phiếu không có quyền biểu quyết;

c) Được Đại hội đồng cổ đông gần nhất thông qua việc chào bán cổ phiếu không có quyền biểu quyết;

d) Tổng số cổ phiếu không có quyền biểu quyết được phát hành tối đa không quá 50% vốn điều lệ.

2. Hồ sơ, trình tự, thủ tục chào bán cổ phiếu không có quyền biểu quyết thực hiện theo quy định pháp luật chứng khoán về chào bán cổ phiếu riêng lẻ hoặc chào bán cổ phiếu ra công chúng.

3. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông của tổ chức phát hành thông qua việc chuyển đổi cổ phiếu không có quyền biểu quyết thành cổ phiếu phổ thông thì phải tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Niêm yết cổ phiếu không có quyền biểu quyết

1. Tổ chức phát hành được niêm yết cổ phiếu không có quyền biểu quyết trên Sở Giao dịch chứng khoán khi đang có cổ phiếu phổ thông niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán và không nằm trong tình trạng bị cảnh báo, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt, tạm ngừng giao dịch.

2. Hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu bao gồm:

a) Giấy đăng ký niêm yết cổ phiếu không có quyền biểu quyết;

b) Điều lệ công ty, trong đó có điều khoản quy định về việc cho phép chào bán cổ phiếu không có quyền biểu quyết và các quy định về quyền, nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phiếu không có quyền biểu quyết;

c) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông kỳ gần nhất thông qua việc niêm yết cổ phiếu không có quyền biểu quyết;

d) Sổ đăng ký cổ đông sở hữu cổ phiếu không có quyền biểu quyết của tổ chức phát hành được lập trong thời hạn một (01) tháng trước thời điểm nộp hồ sơ đăng ký niêm yết;

đ) Bản cáo bạch niêm yết: Tổ chức đăng ký niêm yết được sử dụng bản cáo bạch phát hành, nội dung về giá niêm yết dự kiến, phương pháp tính giá, cơ sở để xác định giá niêm yết dự kiến. Tổ chức đăng ký niêm yết có nghĩa vụ cập nhật, bổ sung Bản cáo bạch phát hành những thông tin thay đổi hoặc mới phát sinh sau thời điểm chào bán đến thời điểm nộp hồ sơ niêm yết;

e) Hợp đồng tư vấn niêm yết (nếu có);

g) Giấy chứng nhận của Trung tâm Lưu ký chứng khoán về việc cổ phiếu không có quyền biểu quyết của tổ chức đó đăng ký, lưu ký tập trung;

h) Văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước đối với tổ chức tín dụng cổ phần.

3. Hồ sơ đăng ký niêm yết quy định tại khoản 2 Điều này được lập thành một (01) bộ gốc kèm theo một (01) bản dữ liệu điện tử gửi tới Sở giao dịch chứng khoán.

Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Giao dịch chứng khoán có trách nhiệm chấp thuận hoặc từ chối đăng ký niêm yết. Trường hợp từ chối, Sở giao dịch chứng khoán phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Sở giao dịch chứng khoán sau khi chấp thuận cho tổ chức đăng ký niêm yết phải nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước bản sao hồ sơ đăng ký niêm yết.

4. Sở Giao dịch chứng khoán hướng dẫn cụ thể quy trình đăng ký niêm yết cổ phiếu không có quyền biểu quyết tại Quy chế niêm yết chứng khoán trên Sở Giao dịch chứng khoán.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2016.
2. Bãi bỏ khoản 13 Điều 2 Nghị định 58/2012/NĐ-CP đã được sửa đổi tại khoản 1 Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP.

Điều 23. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.
2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ
Cổng TTĐT các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (3b).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng